

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/DS - ST
Ngày: 11 - 9 - 2017.
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Phùng.

Ông Đoàn Văn Lắm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2017/TLST - DS, ngày 22/5/2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2017/QĐXXST - DS, ngày 07/8/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Vũ L, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: Bà Đỗ Thị Bé H và ông Trương Văn L.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Phạm Vũ L trình bày: Ngày 05/11/2015, anh có bán vật liệu xây dựng cho bà Đỗ Thị Bé H và ông Trương Văn L, hai bên thỏa thuận khi anh giao vật liệu thì bà H và ông L thanh toán tiền, anh đã nhiều lần giao vật liệu cho bà H và ông L nhận. Sau khi kết thúc việc mua bán thì bà H và ông L còn nợ anh số tiền 15.000.000 đồng, đến tháng 9/2016 có trả được 3.000.000 đồng còn nợ 12.000.000 đồng thì không trả nữa. Nay anh yêu cầu bà H và ông L phải liên đới hoàn trả cho anh số tiền còn nợ là 12.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Việc anh bán vật liệu xây dựng là mua bán nhỏ lẻ không có đăng ký kinh doanh.

Bị đơn bà Đỗ Thị Bé H và ông Trương Văn L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có lời trình bày hay ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Vũ L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Đỗ Thị Bé H, ông Trương Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông L.

[2] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì ngày 05/11/2015 anh L và bà H, ông L có thiết lập hợp đồng mua bán vật liệu, theo nội dung hợp đồng thì anh L sẽ bán vật liệu xây dựng cho bà H, ông L, hai bên thỏa thuận khi bên mua nhận vật liệu xây dựng phải thanh toán tiền. Sau khi kết thúc hợp đồng thì bà H, ông L còn nợ anh L số tiền 15.000.000 đồng, đến tháng 9/2016 có trả được 3.000.000 đồng thì không trả nữa nên anh L khởi kiện yêu cầu bà H, ông L phải thanh toán số tiền còn nợ. Đây là việc khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán, còn thời hiệu khởi kiện. Sau khi xem xét đơn khởi kiện, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp thấy rằng tại biên bản làm việc ngày 09/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre thì bà H thừa nhận còn nợ anh L tiền mua vật liệu là 12.000.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án bà H cũng như ông L không có ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của anh L. Do đó có căn cứ để xác định bà H, ông L có nợ anh L số tiền 12.000.000 đồng, do bà H, ông L vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng đã giao kết, để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho anh L buộc bà H, ông L phải liên đới hoàn trả lại số tiền còn nợ 12.000.000 đồng cho anh L là phù hợp với quy định tại Điều 438, 448 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Do bà H, ông L là người vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền phải hoàn trả theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 438, 448 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Đỗ Thị Bé H, ông Trương Văn L phải liên đới hoàn trả cho anh Phạm Vũ L số tiền 12.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn

yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Về nghĩa vụ nộp án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% buộc bà Đỗ Thị Bé H, ông Trương Văn L phải liên đới nộp 600.000 đồng.

Hoàn trả cho anh Phạm Vũ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 000xxxx ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre
(Phòng KTNV và THA) (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (3b);
- Lưu: HS, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Thiện